

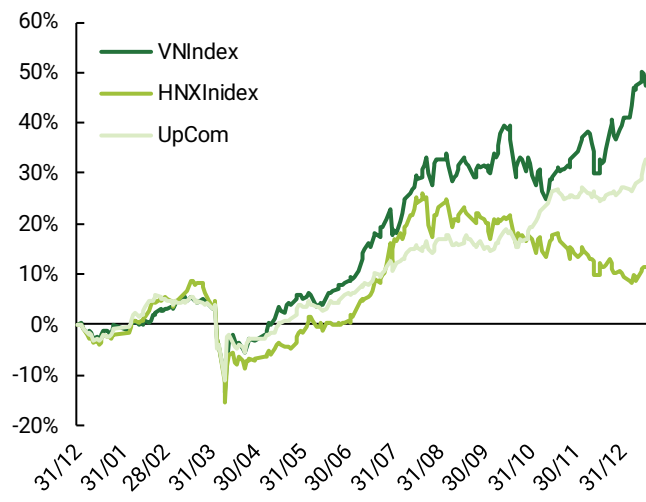
VN-Index **1864.8 (-1.56%)**
1308 Tr. cổ phiếu 41181.7 Tỷ VND (-11.55%)

HNX-Index **253.16 (-0.06%)**
87 Tr. cổ phiếu 2035.2 Tỷ VND (-30.61%)

UPCOM-Index **126.08 (0.95%)**
90 Tr. cổ phiếu 1406.6 Tỷ VND (-39.28%)

VN30F1M **2039.80 (-1.30%)**
314,189 HD OI: 0,000 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1864.8, giảm -29.6 điểm (-1.56%). Thanh khoản giảm với độ rộng nghiêng về bên mua. Sắc đỏ cũng chi phối ở VN30, HNXIndex.
 - Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Vingroup cùng với áp lực chốt lời ở các Ngân hàng quốc doanh gây áp lực lên đà giảm. Dù vậy, dòng tiền vẫn luân chuyển tốt trên thị trường, với các Doanh nghiệp Nhà nước tiếp tục là động lực hút tiền. Diễn biến cho thấy dòng tiền hạ nhiệt ở các cổ phiếu đã tăng nóng và luân chuyển sang các nhóm có chiết khấu thấp hơn. Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Hóa chất: PHR (+6.9%), DGC (+5.3%), CSV (+5.0%) | Thực phẩm và đồ uống: VNM (+4.9%), HAG (+2.3%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (+7.0%), VTP (+4.8%), TCL (+3.0%) | Tài nguyên Cơ bản: VPG (+7.0%), HSG (+4.3%), TLH (+3.7%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Ngân hàng: BID (-7.0%), VCB (-5.4%), CTG (-3.5%) | Bất động sản: VHM (-5.0%), VIC (-4.5%), TAL (-2.1%) | Tiện ích: GAS (-3.7%), POW (-2.4%) | Du lịch và Giải trí: VJC (-4.7%). Tác động chỉ số: Chiều tăng | HDB, STB, VNM, GEE, BCM - Chiều giảm | VIC, VCB, BID, VHM, CTG
- Khối ngoại Bán ròng hơn 800 tỷ, tập trung nhiều ở MSN, VCI, SSI, trong khi mua ròng VIC, VCB, TCX.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** phục hồi khi tiếp cận ngưỡng 1850 điểm cho thấy vai trò hỗ trợ ngắn hạn tại khu vực này tiếp tục được phát huy. Tuy nhiên, phản ứng bật tăng còn yếu khi chỉ số chưa thể quay lại sắc xanh cũng như mức đóng cửa vẫn thấp hơn đáng kể so với thân nền tăng phiên trước, hàm ý áp lực cung còn chi phối. Đồng thời, RSI điều chỉnh xuống dưới ngưỡng 70 phản ánh động lượng ngắn hạn suy yếu. Trong kịch bản hiện tại, vùng 1850-1880 điểm nhiều khả năng tiếp tục cần được củng cố. Ở chiều thận trọng, ngưỡng hỗ trợ duy trì nằm quanh 1840 điểm, nếu bị xuyên thủng, rủi ro chỉ số quay lại kiểm định mốc tâm lý 1800 điểm sẽ gia tăng.
- HNX-Index** tiếp tục giao dịch giằng co, nhưng điểm trừ là thanh khoản giảm mạnh, hàm ý lực cầu bắt đáy đã hạ nhiệt. Chỉ số nhiều khả năng vẫn trong trạng thái tích lũy, với mục tiêu hướng tới kiểm định vùng kháng cự 258-260 điểm.
- Chiến lược chung:** Với các mã đạt mục tiêu ngắn hạn, NĐT có thể cân nhắc chốt lời. Chiều mua mới nên tận dụng khi cổ phiếu hạ nhiệt hơn là hưng phấn mua đuổi, tập trung vào các doanh nghiệp Nhà nước đầu ngành. Các nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Tiện ích, Tiêu dùng, Dầu khí.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Chốt lời DVN – Mua TTN (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa		% Thay đổi		Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
			(%) 1D	(%) 1W		(%) 1M	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần
Theo chỉ số												
VN-Index	1,864.8 ▼	-1.56%	0.5%	13.3%	41,181.7 ▼	-11.5%	2.5%	119.2%	1,308.1 ▼	-12.3%	3.5%	90.5%
HNX-Index	253.2 ▼	-0.06%	1.6%	1.5%	2,035.2 ▼	-30.6%	-13.8%	57.9%	86.9 ▼	-33.1%	-14.7%	34.6%
UPCOM-Index	126.1 ▬	0.95%	3.7%	6.4%	1,406.6 ▼	-39.3%	-6.1%	85.6%	90.2 ▼	-5.8%	27.1%	42.3%
VN30	2,047.5 ▼	-0.9%	-1.3%	9.5%	26,225.1 ▼	-7.1%	1.2%	151.0%	616.9 ▼	-10.4%	-8.5%	114.1%
VNMID	2,280.6 ▬	0.6%	2.7%	6.9%	11,549.6 ▼	-19.5%	12.9%	82.5%	450.0 ▼	-15.0%	7.6%	69.7%
VNSML	1,500.8 ▬	0.46%	2.3%	2.2%	1,625.7 ▼	-22.8%	25.6%	43.5%	105.2 ▼	-20.5%	22.0%	13.5%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	699.6 ▼	-2.2%	10.57%	20.2%	12,745.8 ▼	-11.96%	-9.9%	52.0%	408.1 ▼	-12.9%	-14.9%	32.0%
Bất động sản	784.6 ▼	-3.4%	-10.1%	14.6%	7,001.2 ▲	19.5%	1.2%	40.3%	194.3 ▼	-3.1%	-6.7%	35.3%
Dịch vụ tài chính	328.0 ▼	-1.0%	6.8%	8.5%	5,759.3 ▼	-10.5%	1.0%	61.2%	209.3 ▼	-10.3%	-1.5%	52.7%
Công nghiệp	292.6 ▲	3.0%	-0.6%	12.9%	1,624.9 ▼	-35.8%	-18.9%	12.5%	38.4 ▼	-38.9%	-25.9%	12.1%
Tài nguyên cơ bản	546.4 ▲	1.3%	2.3%	5.0%	2,223.4 ▲	27.4%	34.9%	81.3%	94.6 ▲	29.5%	38.7%	81.3%
Xây dựng - Vật Liệu	190.0 ▬	0.7%	2.3%	3.5%	1,433.8 ▼	-18.4%	-7.2%	36.3%	64.8 ▼	-8.5%	-6.4%	31.5%
Thực phẩm	566.5 ▬	0.4%	2.7%	5.9%	3,119.9 ▼	-29.0%	24.9%	56.9%	59.4 ▼	-33.1%	8.8%	21.8%
Bán Lẻ	1,538.1 ▼	-1.8%	-3.6%	8.9%	899.0 ▼	-32.7%	-16.7%	-3.4%	12.8 ▼	-33.3%	-14.1%	2.2%
Công nghệ	528.0 ▼	-0.8%	2.2%	6.1%	1,132.5 ▼	-23.2%	10.8%	62.5%	14.1 ▼	-14.5%	15.8%	40.7%
Hóa chất	195.0 ▲	2.18%	15.4%	22.3%	1,495.0 ▼	-15.1%	15.3%	57.1%	36.6 ▼	-28.0%	-2.8%	58.8%
Tiện ích	876.7 ▼	-2.0%	12.8%	40.1%	755.4 ▼	-35.6%	-33.9%	27.5%	25.6 ▼	-39.2%	-39.4%	6.3%
Dầu khí	99.7 ▬	0.18%	16.6%	50.8%	1,712.7 ▼	-11.6%	-0.4%	101.8%	56.5 ▼	-14.1%	-13.7%	63.8%
Dược phẩm	445.1 ▬	0.6%	1.9%	5.1%	36.1 ▼	-9.5%	-28.6%	-38.6%	1.7 ▼	-19.7%	-24.1%	-35.7%
Bảo hiểm	115.8 ▲	6.4%	3.9%	26.1%	219.5 ▼	-0.7%	27.0%	166.2%	5.5 ▲	10.0%	47.8%	160.3%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,864.8 ▼	-1.6%	47.2%	18.4x	2.3x
SET-Index	Thái Lan	1,261 ▲	1.37%	-9.9%	13.3x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	9,075 ▬	0.5%	28.2%	22.6x	2.3x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,657 ▬	0.24%	0.6%	16.7x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,488 ▲	1.53%	-0.6%	10.7x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,113 ▼	-0.33%	22.7%	19.7x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,924 ▼	-0.28%	34.2%	13.7x	1.5x
Nikkei 225	Nhật Bản	54,111 ▼	-0.42%	35.6%	22.9x	2.7x
S&P 500	Mỹ	6,927 ▼	-0.53%	17.8%	27.7x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	49,150 ▼	-0.09%	15.5%	25.4x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,230 ▬	0.44%	25.2%	15.3x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,024 ▬	0.32%	23.0%	18.1x	2.6x
DXV		99.1 ▬	0.00%	-8.6%		
USDVND		26,271 ▼	-0.02%	3.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

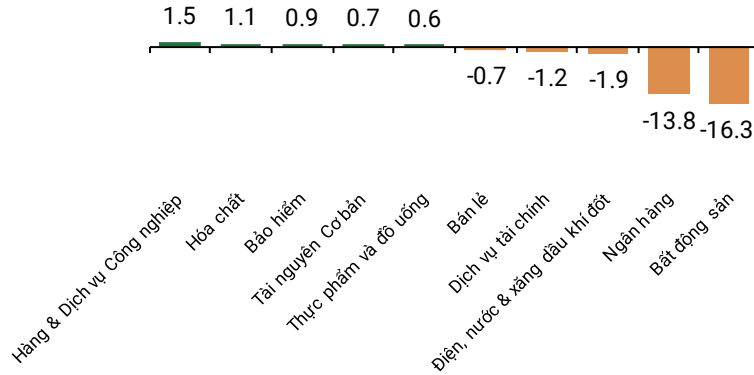
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-4.4%	5.0%	-14.8%	-22.5%
Dầu WTI	▼	-4.5%	4.3%	-17.4%	-26.0%
Khí gas	▲	2.9%	-20.0%	-11.7%	-21.4%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-6.7%	-13.7%	-10.9%
Thép HRC (*)	▼	-0.2%	0.9%	-5.3%	-3.7%
PVC (*)	▬	0.0%	0.8%	-11.5%	-10.5%
Phân Urea (*)	▲	1.3%	7.5%	14.5%	11.8%
Cao su thiên nhiên	▼	-0.5%	4.5%	-7.5%	-6.3%
Bông Cotton	▬	0.2%	1.7%	-5.0%	-4.1%
Đường	▼	-2.3%	-2.7%	-24.5%	-19.2%
World Container Index	▼	-4.4%	25.0%	-35.7%	-38.7%
Baltic Dirty tanker Index	▲	4.7%	1.3%	52.1%	59.5%
Vàng	▬	0.5%	7.1%	75.7%	71.0%
Bạc	▲	4.9%	42.4%	215.7%	197.7%

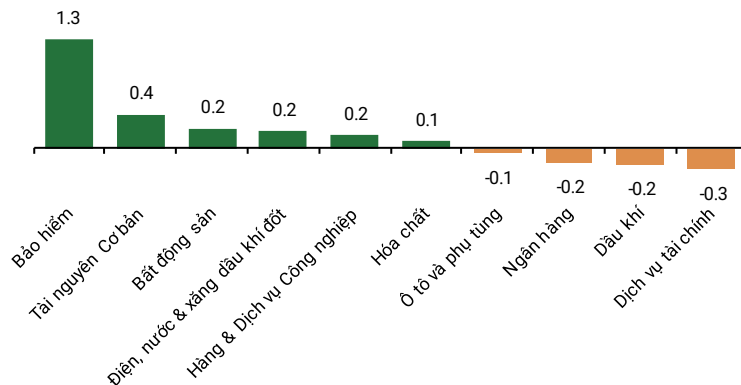
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

+0.58 (HPG)	-0.83 (MCH)
+0.67 (HVN)	-0.85 (VPB)
+0.75 (BVH)	-1.13 (VJC)
+0.86 (GVR)	-1.37 (TCB)
+0.90 (PLX)	-2.07 (GAS)
+1.00 (BCM)	-2.41 (CTG)
+1.14 (GEE)	-5.54 (VHM)
+1.48 (VNM)	-5.71 (BID)
+1.49 (STB)	-7.34 (VCB)
+2.04 (HDB)	-11.88 (VIC)

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.06 (VIF)	-0.03 (HGM)
+0.07 (THD)	-0.04 (MBS)
+0.07 (OCH)	-0.06 (BAB)
+0.07 (CDN)	-0.06 (HUT)
+0.11 (VNR)	-0.07 (PTI)
+0.13 (CEO)	-0.11 (NTP)
+0.20 (KSF)	-0.11 (IDC)
+0.23 (DTK)	-0.11 (NVB)
+0.33 (KSV)	-0.15 (SHS)
+1.23 (PVI)	-0.17 (PVS)

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+27 (PLX)	-69 (VNM)
+34 (KDH)	-70 (VJC)
+34 (GEX)	-81 (HDB)
+37 (DPG)	-86 (FPT)
+41 (PHR)	-94 (VRE)
+48 (MBB)	-97 (SHB)
+52 (STB)	-124 (VIX)
+57 (TCX)	-145 (SSI)
+159 (VCB)	-149 (VCI)
+211 (VIC)	-160 (MSN)

TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.1 (APS)	-0.5 (CEO)
+0.2 (PLC)	-0.5 (THT)
+0.2 (VC6)	-0.7 (DHT)
+0.3 (VFS)	-2.3 (BVS)
+0.3 (TSB)	-5.2 (PVS)
+0.6 (MST)	-5.6 (NTP)
+0.9 (VGS)	-7.5 (PVI)
+1.2 (TNG)	-12.9 (IDC)
+2.1 (HUT)	-17.6 (SHS)
+2.9 (VC3)	-44.4 (MBS)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VHM	VIX	HPG	VCB	SSI
%DoD	-5.0%	1.6%	1.3%	-5.4%	-2.1%
Giá trị	2,283	1,772	1,711	1,700	1,388

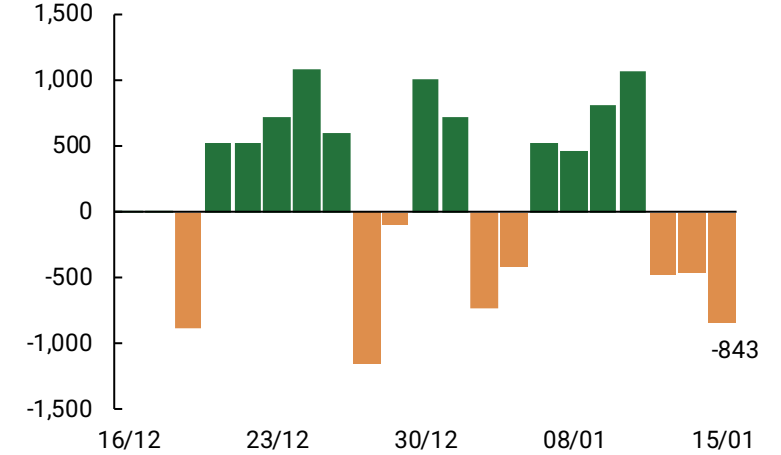
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	FPT	HDB	VIC	VIB	EIB
%DoD	-1.3%	6.9%	-4.5%	1.4%	0.2%
Giá trị	293	150	138	130	106

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



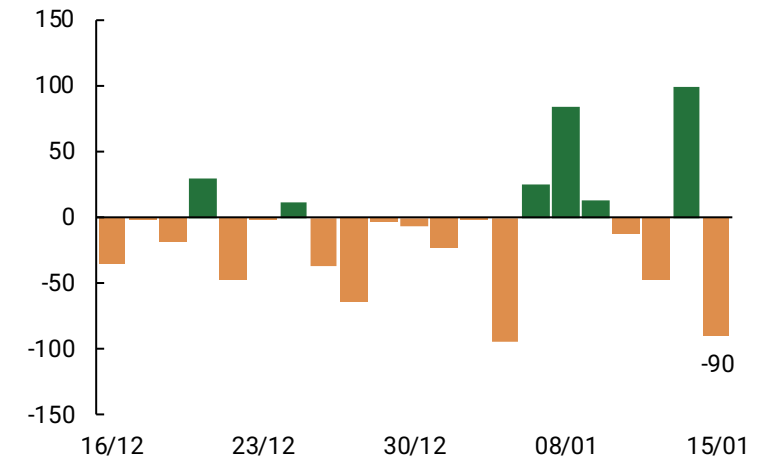
	PVS	SHS	CEO	MBS	IDC
%DoD	-1.5%	-1.4%	2.1%	-0.4%	-1.3%
Giá trị	462	367	348	191	96

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	KMT	VMC	SJE	TNG
%DoD	-1.4%	-10.0%	-1.7%	-1.1%	-1.0%
Giá trị	16	3	0	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến rút chân, vol duy trì trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1900.
- ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt dưới vùng quá mua.
- ✓ Xu hướng: củng cố nền giá trên ngưỡng 1850.

Kịch bản: Chỉ số bật lại khi tiếp cận ngưỡng 1850 cho thấy vai trò hỗ trợ hạn quanh khu vực này được phát huy. Dù vậy, phản ứng bật tăng vẫn chưa thể phục hồi về sắc xanh, hàm ý lực cung vẫn chi phối. Chỉ báo RSI cũng giảm về lại dưới ngưỡng cao 70. Khu vực quanh 1850 - 1900 có khả năng tiếp tục được kiểm định.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến rút chân, vol duy trì trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 2020 - 2050.
- ✓ Kháng cự: 2100.
- ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt dưới vùng quá mua.
- ✓ Xu hướng: củng cố nền giá quanh ngưỡng 2050.

➔ Áp lực bán từ nhóm Vingroup trong rổ VN30 tiếp tục gây áp lực cho chỉ số. Chỉ báo RSI cũng có dấu hiệu hạ nhiệt với đỉnh thấp hơn, hàm ý cung bán còn chi phối. Vận động khả năng tiếp tục rung lắc củng cố thêm vùng 2040 - 2080. Nếu nhóm trụ cột tiếp tục suy yếu, không loại trừ khả năng VN30 kiểm định lại ngưỡng 2000 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	DVN	TAKE PROFIT	Current price	24.0		P/E (x)	17.8
Exchange	UPCoM		Action price	21.4 - 21.8		P/B (x)	1.7
Sector	Pharmaceuticals		Take profit price (12/1)	24.5 - 25.5	15.0%	EPS	1346.8
						ROE	9.8%
						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá chạm vùng mục tiêu chốt lời.
 - Chỉ báo RSI tiến về vùng quá mua cao > 70 có thể khiến động lượng tăng chững lại.
 - Giá tăng nhanh thiếu tích lũy có thể cần điều chỉnh củng cố thêm đà.
- ➔ Xu hướng khả năng hạ nhiệt kiểm định lại nền giá quanh 24.
- ➔ Khuyến nghị Chốt lời quanh giá hiện tại hoặc tận dụng nhịp tăng rớt trong phiên.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	TTN	BUY	Current price		17.6	P/E (x)	9.8
Exchange	UPCoM		Action price	16/01	17.5 - 18	P/B (x)	1.38
Sector	Fixed Line		Target price		20	EPS	1795.6
	Telecommunications		Cut loss		16.6	ROE	13.9%
						Stock Rating	
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động tên MA20, 50 ngày.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và trở lại miền dương, trong khi RSI cũng tăng mạnh lên trên mức trung bình.
 - Thanh khoản tăng đồng thuận xu hướng
- Xu hướng có thể củng cố nền giá quanh 17.5 – 18 và trở lại quán tính tăng.
- Khuyến nghị Mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng nhịp điều chỉnh trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	DVN	Chốt lời	16/01/2026	24.0	24.5 – 25.5	15.0%	24.0	11.1%	20.2	-6.5%	
2	TTN	Mua	16/01/2026	17.8	17.5 – 18.0	-	20.0	12.4%	16.6	-6.7%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	KLB	Mua	23/12/2025	-	17.15	16.8 - 17.2	0.9%	20.0	17.6%	15.8	-7.1%	15/01 giao dịch trên HOSE
2	DHC	Mua	07/01/2026	-	33.40	33.6 - 34	-1.2%	37.0	9.5%	32.0	-5.3%	
3	KBC	Mua	09/01/2026	-	36.30	35 - 35.5	3.0%	39.5	12.1%	33	-6.4%	
4	PHR	Mua	14/01/2026	-	67.90	61 - 62	10.4%	70.0	13.8%	58	-5.7%	
5	ACB	Mua	14/01/2026	-	24.90	24.5 - 24.9	0.8%	28.0	13.4%	23.5	-4.9%	
6	OIL	Mua	14/01/2026	-	14.45	12.1 - 12.5	17.5%	14.3	16.3%	11.3	-8.1%	
7	TVN	Mua	15/01/2026	-	9.50	8.2 - 8.6	13.8%	9.6	15.0%	7.7	-7.8%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2039.8, giảm 26.8 điểm (-1.3%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế hơn trong phiên, giá có lúc lao dốc mạnh về cuối phiên chiều, nhưng đã phục hồi một phần trở lại. Phiên nay cũng là phiên hợp đồng kỳ hạn 1 tháng đáo hạn.
- Ở đồ thị 1 giờ**, giá phản ứng tốt tại hỗ trợ 2030 với mẫu hình nến Marubozu, cùng với chỉ báo RSI cũng bật tăng trở lại từ vùng quá bán, hàm ý đà phục hồi có thể tiếp tục. Dù vậy, đà giảm ở xu hướng lớn vẫn còn chi phối, nên chiều Long cần chờ giá xác nhận vượt và củng cố trên ngưỡng 2050. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2035.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1929, giảm 28.4 điểm (-1.5%). Độ lệch basis -6.2 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 34 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1915, trong khi kháng cự là ngưỡng 1950.

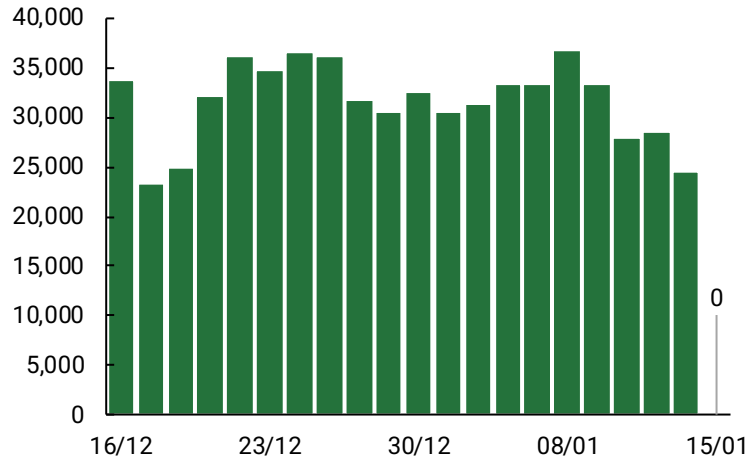
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 2050	2062	2042	12 : 08
Short	< 2035	2023	2043	12 : 08

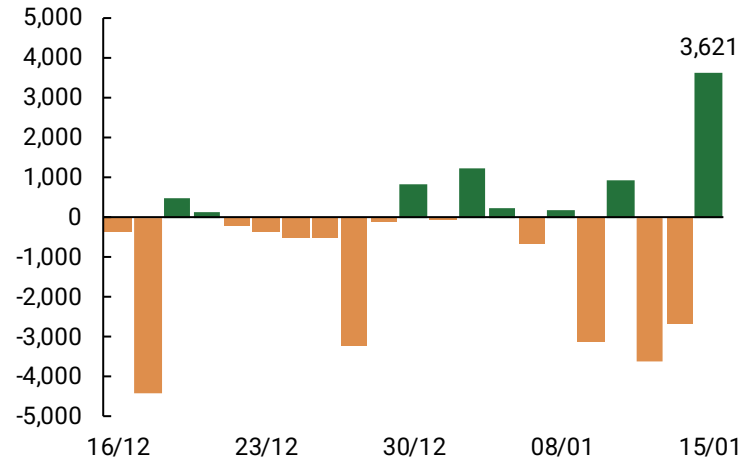
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	2,040.0	-15.0	33	287	2,056.1	-16.1	18/06/2026	154
41I1G3000	2,040.4	-5.6	94	576	2,051.0	-10.6	19/03/2026	63
41I1G2000	2,041.1	-24.9	41,352	23,658	2,049.1	-8.0	13/02/2026	29
41I1G1000	2,039.8	-26.8	314,189	0	2,047.5	-7.7	15/01/2026	0
41I2G1000	1,929.0	-28.4	34	0	1,935.2	-6.2	15/01/2026	0

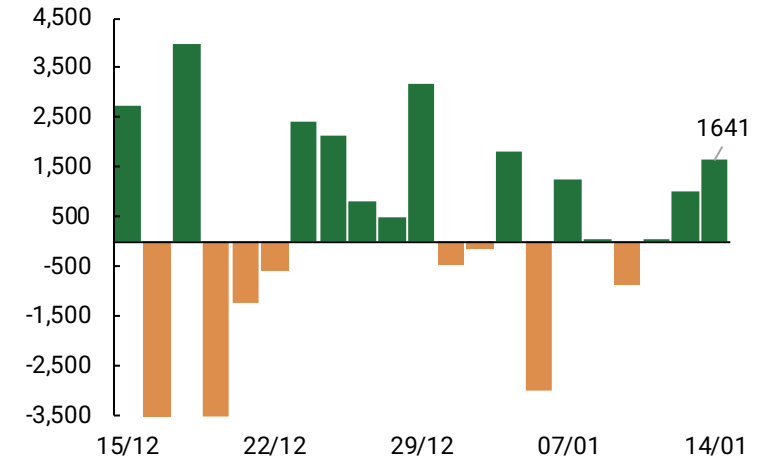
Khối lượng mở (Open interest)



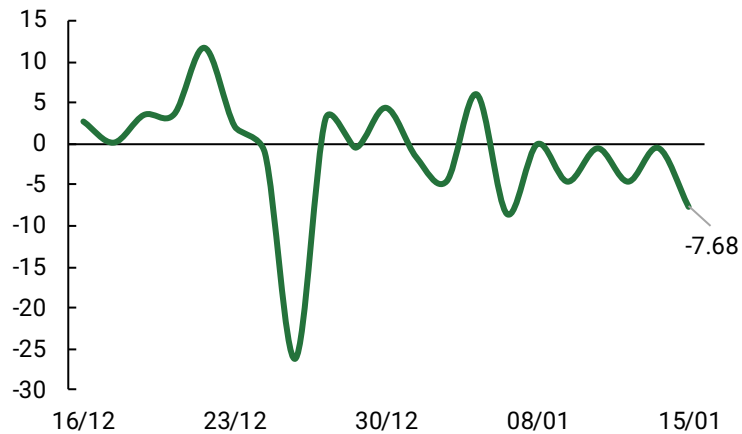
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



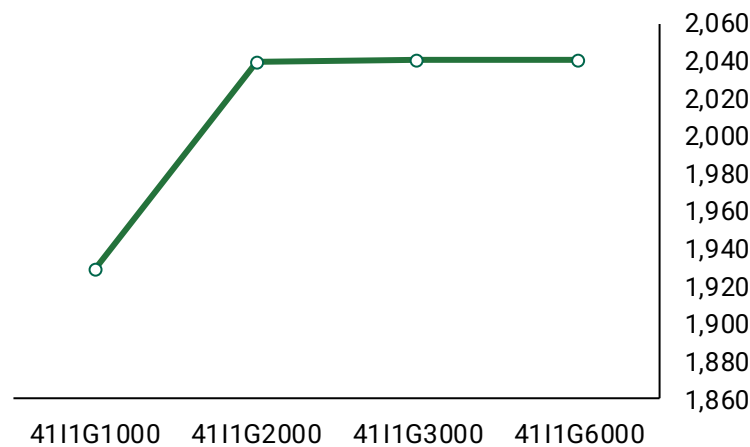
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



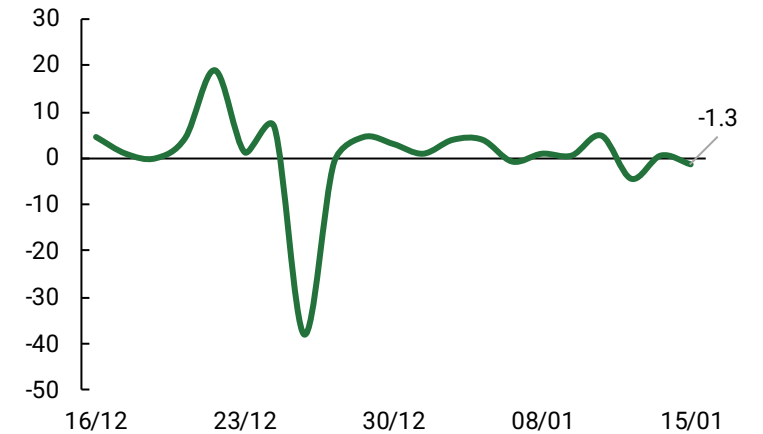
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	73,000	65,400	-10.4%	Bán
BCM	77,900	74,500	-4.4%	Giảm tỷ trọng
CTD	75,300	87,050	15.6%	Tăng tỷ trọng
CTI	22,650	27,200	20.1%	Mua
DBD	49,500	68,000	37.4%	Mua
DDV	28,160	35,500	26.1%	Mua
DGC	67,300	99,300	47.5%	Mua
DGW	43,000	48,500	12.8%	Tăng tỷ trọng
DPG	42,000	53,100	26.4%	Mua
DPR	42,150	46,500	10.3%	Tăng tỷ trọng
DRI	13,858	17,200	24.1%	Mua
EVF	11,700	14,400	23.1%	Mua
FRT	146,000	135,800	-7.0%	Giảm tỷ trọng
GMD	63,500	72,700	14.5%	Tăng tỷ trọng
HAH	57,600	67,600	17.4%	Tăng tỷ trọng
HDG	26,600	33,800	27.1%	Mua
HHV	12,850	12,300	-4.3%	Giảm tỷ trọng
HPG	27,600	30,200	9.4%	Nắm giữ
IMP	53,700	55,000	2.4%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	27,250	22,700	-16.7%	Bán
MSH	35,700	43,100	20.7%	Mua
MWG	84,000	92,500	10.1%	Tăng tỷ trọng
NLG	31,200	39,900	27.9%	Mua
NT2	25,950	27,400	5.6%	Nắm giữ
PHR	67,900	72,800	7.2%	Nắm giữ
PNJ	101,500	95,800	-5.6%	Giảm tỷ trọng
PVT	20,500	18,900	-7.8%	Giảm tỷ trọng
SAB	52,700	57,900	9.9%	Nắm giữ
TLG	53,000	53,400	0.8%	Nắm giữ
TCB	35,600	35,650	0.1%	Nắm giữ
TCM	27,900	37,900	35.8%	Mua
TRC	82,500	95,800	16.1%	Tăng tỷ trọng
VCG	23,300	26,200	12.4%	Tăng tỷ trọng
VHC	59,500	60,000	0.8%	Nắm giữ
VNM	71,000	66,650	-6.1%	Giảm tỷ trọng
VSC	21,950	17,900	-18.5%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

05/01	Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
06/01	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 12 và Quý 4/2025
09/01	Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
13/01	Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
14/01	Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI), Doanh số bán lẻ
15/01	Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng phái sinh
19/01	Trung Quốc - GDP Quý 4 yoy Việt Nam - Công bố thành phần VN30
20/01	Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
22/01	Mỹ - GDP Q3 cuối cùng
28/01	Canada - BOC họp và công bố lãi suất
27 – 28/01	Mỹ - FED họp và công bố lãi suất
30/01	Hạn chót tái cơ cấu trước khi danh mục VN30 mới có hiệu lực.

THÔNG TIN VĨ MÔ

World Bank nâng triển vọng tăng trưởng Việt Nam năm 2026: Ngân hàng Thế giới (World Bank) vừa điều chỉnh tăng dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2026 lên 6,3%, cao hơn mức 6,1% đưa ra trước đó và dự kiến phục hồi lên 6,7% vào năm 2027. Về kinh tế toàn cầu, WB dự báo, tăng trưởng sẽ duy trì tương đối ổn định trong hai năm tới, giảm nhẹ xuống 2,6% vào năm 2026, trước khi phục hồi lên 2,7% trong năm 2027, cao hơn so với dự báo công bố hồi tháng 6.

Vàng lập kỷ lục gần 4,650 USD, bạc vọt hơn 6% lên 92 USD: Giá vàng tăng vọt lên mức cao kỷ lục mới, trong khi bạc cũng nhảy vọt, khi những bất ổn địa chính trị và kinh tế thúc đẩy nhà đầu tư tìm đến các tài sản trú ẩn an toàn. Kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ cắt giảm lãi suất tiếp tục tạo thêm động lực cho đà tăng.

Ông Trump áp thuế 25% đối với một số chip AI: Trong ngày 14/01, Tổng thống Donald Trump đã áp thuế 25% đối với một số chip AI nhất định, bao gồm bộ xử lý AI H200 của Nvidia và chip MI325X của AMD, theo lệnh an ninh quốc gia mới được Nhà Trắng công bố.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

BID - Lộ diện “cá mập” đăng ký tham gia thương vụ phát hành riêng lẻ “khủng” 10.000 tỷ đồng của BIDV: BIDV dự kiến phát hành riêng lẻ 264.07 triệu cổ phiếu với giá 38,900 đồng/cp, hạn chế chuyển nhượng 1 năm, nhằm bổ sung vốn cho hoạt động tín dụng năm 2026. Thương vụ thu hút 33 nhà đầu tư chuyên nghiệp trong và ngoài nước, tiêu biểu là SCIC dự kiến mua 90 triệu cổ phiếu, cùng các quỹ Dragon Capital, Manulife, Prudential và Darasol với tỷ trọng đăng ký lớn. Đợt phát hành khẳng định năng lực tài chính BIDV và sự tin tưởng của nhà đầu tư vào kế hoạch phát triển dài hạn 2026-2030.

NVL - 4 công ty con của Novaland mua lại trước hạn 3.6 ngàn tỷ đồng trái phiếu: Trong ngày cuối cùng của năm 2025, 4 công ty con của CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va đã đồng loạt hoàn tất mua lại trước hạn 7 lô trái phiếu với tổng giá trị 3.6 ngàn tỷ đồng. Cụ thể, 4 công ty gồm Công ty TNHH Thành phố Aqua (TPAC), Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Unity (UNIC), CTCP Dịch vụ Đầu tư Lucky House (LKHC) và Công ty TNHH Bất động sản Gia Đức (GDUC).

SHS chính thức có tân Tổng Giám đốc – Sẵn sàng cho giai đoạn tăng trưởng mới: Ngày 14/1, SHS được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thay đổi Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ông Nguyễn Duy Linh. Việc kiện toàn nhằm nâng cao năng lực quản trị, đáp ứng cơ hội và thách thức thị trường chứng khoán Việt Nam khi bước vào chu kỳ mới, thu hút vốn đầu tư nước ngoài. SHS tập trung chiến lược “Service Branding”, phát triển đội ngũ, đầu tư công nghệ và chuẩn hóa quản trị minh bạch, hiệu quả, hướng đến phát triển bền vững và nâng cao cạnh tranh trong giai đoạn mới.

DIG - DIC Corp dự kiến mua lại 800 tỷ đồng trái phiếu trước hạn: Doanh nghiệp dự kiến tất toán toàn bộ lô trái phiếu mã DIGH2326001 với khối lượng 6,000 trái phiếu, tương đương giá trị 600 tỷ đồng theo mệnh giá. Lô trái phiếu này được phát hành vào ngày 29/12/2023, có thời hạn ba năm và dự kiến đáo hạn vào cuối tháng 12/2026. Song song với kế hoạch trên, DIC Corp cũng dự kiến mua lại phần còn lưu hành của lô trái phiếu mã DIGH2326002, gồm 2,000 trái phiếu, giá trị theo mệnh giá là 200 tỷ đồng.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415